

MÔ HÌNH Z-SCORE (ALTMAN)

Mô hình hệ số Z-Score của Altman (1968) được tính toán dựa trên 5 biến, là kết hợp trọng số của các chỉ tiêu tài chính để đánh giá rủi ro phá sản của doanh nghiệp.

Ngày	19,000 VNĐ		
29/12/2023			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	47.3%	47.3%	61.0%

Hệ số nguy cơ phá sản	6.01
Z - score (sản xuất)	(Aaa)
2023	An toàn

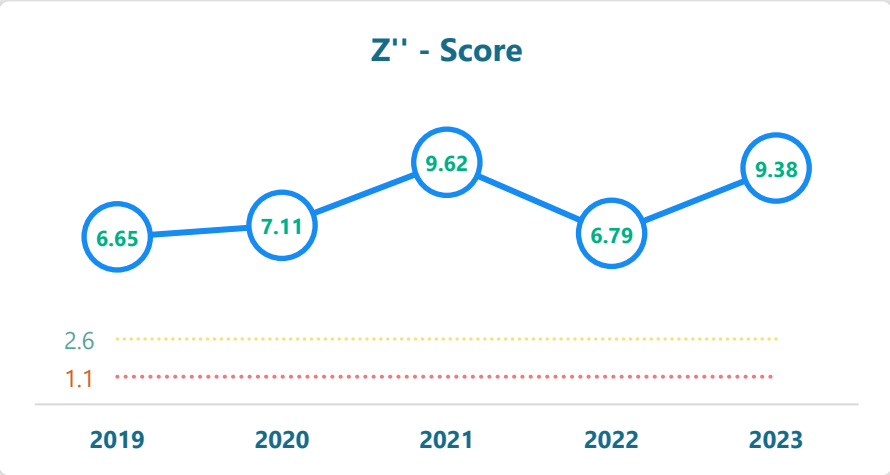
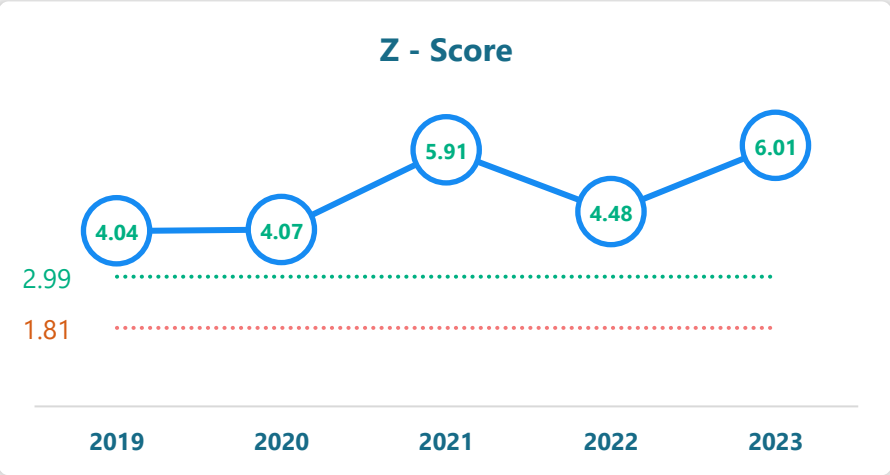
Hệ số nguy cơ phá sản	9.38
Z'' - score (phi sản xuất)	(Aaa)
2023	An toàn

DT thuần	2023	YoY
	727	▲ 29.0
	tỷ VNĐ	▲ 4.0%

LN sau thuế	2023	YoY
	28.1	▲ 2.50
	tỷ VNĐ	▲ 9.9%

ROE	2023	+/- YoY
	14.0%	▲ 0.6%

ROA	2023	+/- YoY
	9.2%	▲ 0.1%



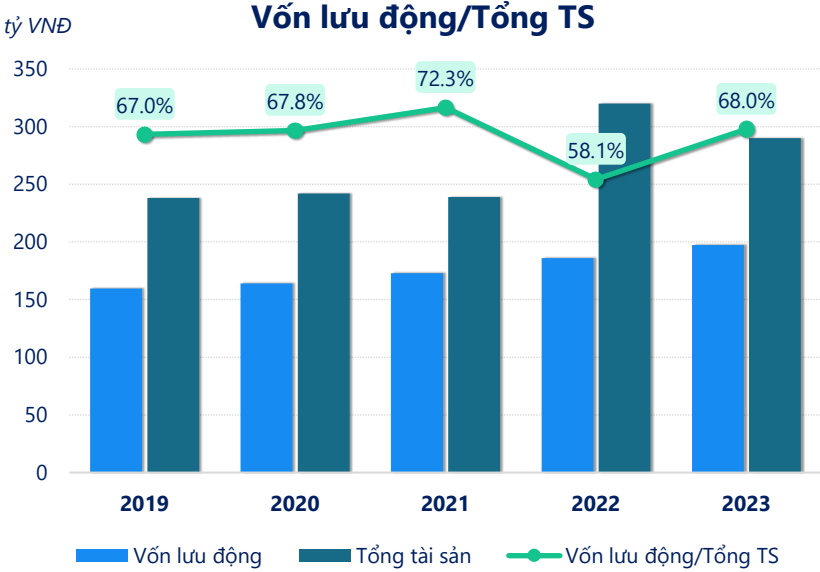
Xét với doanh nghiệp sản xuất: Với Z-Score là 6.01 > 2.99, cho thấy NFC đang trong tình trạng tài chính rất tốt và có khả năng cao để duy trì hoạt động kinh doanh một cách ổn định và hiệu quả trong tương lai.

Xét với doanh nghiệp phi sản xuất: Với Z''-Score là 9.38 > 2.6, cho thấy NFC đang trong tình trạng tài chính rất tốt và có khả năng cao để duy trì hoạt động kinh doanh một cách ổn định và hiệu quả trong tương lai.

Năm 2023, NFC ghi nhận doanh thu thuần 726.6 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 28.14 tỷ đồng, lần lượt tăng 4.05% và tăng 9.87% so với năm trước.

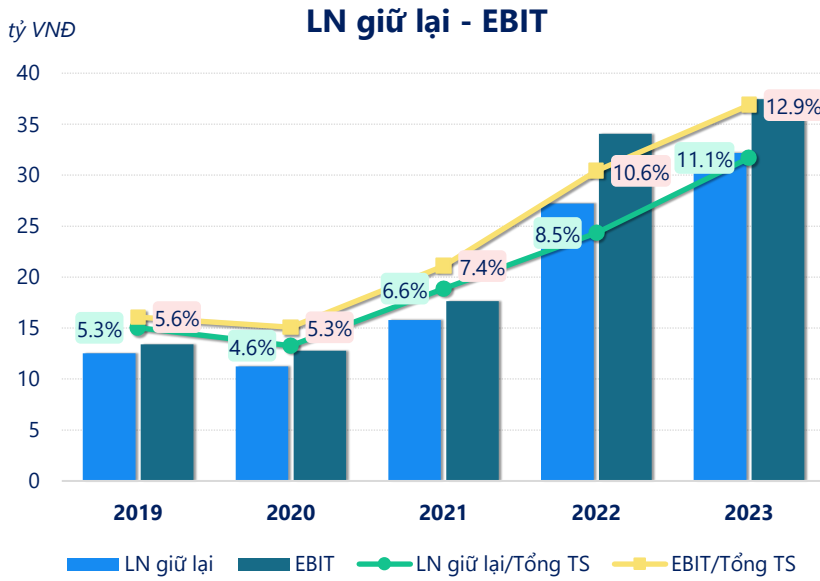
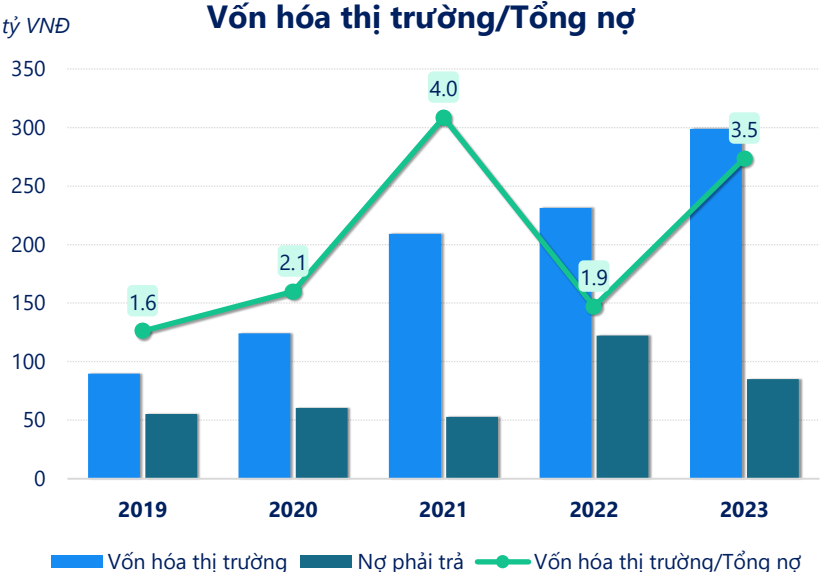
Hoạt động kinh doanh của công ty có sự tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận, cùng với ROE khá tốt là 14.0% cho thấy công ty đang phát triển và có hiệu quả hoạt động ổn định.

CTCP Phân lân Ninh Bình (HNX: NFC)

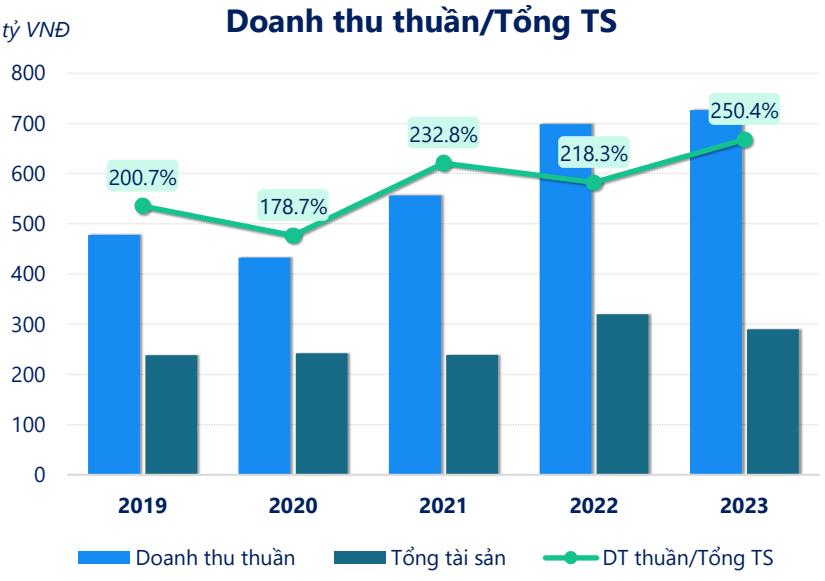


Vốn lưu động > 0 và tăng so với năm trước cho thấy công ty có khả năng thanh toán các nghĩa vụ nợ ngắn hạn khá tốt. Cần đánh giá thêm về tỷ lệ vốn lưu động/tổng tài sản, nếu tỷ lệ này thấp có thể gợi ý rằng công ty phụ thuộc nhiều vào nguồn vốn dài hạn để duy trì hoạt động kinh doanh.

Vốn hóa thị trường/ tổng nợ = 3.52, cho thấy công ty có khả năng tạo ra giá trị cho cổ đông vượt qua nợ phải trả. Sự tăng tương tỷ lệ này cũng phản ánh sự tin tưởng của thị trường và nhà đầu tư vào triển vọng tương lai của công ty.



Tóm lại, tùy thuộc loại hình doanh nghiệp sản xuất hoặc phi sản xuất để sử dụng mô hình Z-Score hoặc Z"-Score. Trong đó phải phân tích từng chỉ tiêu của mô hình để có cái nhìn tổng quan về sức khỏe tài chính của một doanh nghiệp. Qua đó đánh giá khả năng trả nợ và phá sản của doanh nghiệp đó.



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
Tổng tài sản	290	320	-9.2%
Tài sản ngắn hạn	282	308	-8.3%
Tiền và tương đương tiền	10.4	9.94	4.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	106	113	-5.6%
Hàng tồn kho	166	185	-10.5%
Tài sản ngắn hạn khác	0.09	0.35	-75.2%
Tài sản dài hạn	7.77	11.7	-33.7%
Phải thu dài hạn	0	0.03	-100%
Tài sản cố định	7.41	11.4	-34.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.37	0.32	13.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	85.5	122	-30.1%
Nợ ngắn hạn	85.5	122	-30.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	32.4	77.1	-57.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	31.3	29.3	6.7%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	205	198	3.6%
Vốn chủ sở hữu	205	198	3.6%
Vốn điều lệ	157	157	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Doanh thu thuần	478	433	556	698	727
Giá vốn hàng bán	406	373	487	597	622
Lợi nhuận gộp	71.7	59.8	69.0	102	105
Doanh thu HĐTC	0.06	0.80	0.30	0.20	0.07
Chi phí TC	1.87	0.84	1.76	3.52	5.15
Chi phí lãi vay	1.75	0.65	0.52	2.03	2.40
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	41.2	29.8	32.2	43.8	42.2
Chi phí QLDN	18.4	19.6	21.0	24.6	26.7
LN thuần từ HĐKD	10.3	10.4	14.4	30.0	30.8
Lợi nhuận khác	1.38	1.74	2.75	2.03	4.23
LN trước thuế	11.7	12.1	17.1	32.0	35.0
Lợi nhuận sau thuế	9.30	9.17	13.6	25.6	28.1
LNST của CĐ cty mẹ	9.30	9.17	13.6	25.6	28.1

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	62.1	12.0	28.6	-53.3	65.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-10.8	0.92	-0.19	-3.77	-0.20
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-46.8	-6.03	-32.7	58.4	-65.1
Tiền đầu kỳ	1.58	6.01	12.8	8.62	9.94
Lưu chuyển tiền thuần	4.43	6.84	-4.23	1.33	0.47
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	6.01	12.8	8.62	9.94	10.4